

Số: **27**/2023/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **13** tháng **9** năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương tỉnh Đắk Nông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  
*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*  
*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*  
*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*  
*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*  
*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ, quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*  
*Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 và Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ, quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*  
*Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ, quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*  
*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ, quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*  
*Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn;*  
*Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;*



Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 13/TTr-SGTVT ngày 20 tháng 6 năm 2023.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương tỉnh Đắk Nông.



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 9 năm 2023 và thay thế Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Đắk Nông, ban hành Quy định về công tác quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định về sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên hệ thống đường bộ địa phương tỉnh Đắk Nông.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh và các Đoàn thể CT-XH;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Báo Đắk Nông;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (MNC).

3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Chiến





## QUY ĐỊNH

Về công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương tỉnh Đắk Nông

(Kèm theo Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông).

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

###### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

###### 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

##### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Nông bao gồm: đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị (trừ đoạn tuyến quốc lộ qua đô thị), đường giao thông nông thôn (bao gồm: đường liên xã, đường xã, đường thôn, đường khu vực sản xuất và đường dân sinh) và đường chuyên dùng;

- Đường ngầm là những đoạn đường vượt qua sông, suối, khe cạn mà nước có thể chảy tràn qua thường xuyên hoặc khi có lũ;

- Hàm đường bộ là một công trình ngầm thuộc đường bộ, nhằm mục đích vượt qua các địa hình bằng cách chui qua nó, bao gồm: hầm qua núi, hầm ngầm qua sông, hầm chui qua đường bộ, hầm chui qua đường sắt, hầm chui qua đô thị và hầm dành cho người đi bộ.

### Chương II

#### QUẢN LÝ, KHAI THÁC, BẢO TRÌ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

##### Điều 3. Phân cấp quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ

1. Sở Giao thông vận tải quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ đối với các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Riêng đối với các đoạn tuyến tỉnh lộ qua đô thị, Sở Giao thông vận tải quản lý phạm vi nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông



(trừ hệ thống đèn tín hiệu giao thông); phạm vi vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) quản lý.

2. UBND cấp huyện quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ đối với các tuyến đường huyện và đường đô thị (trừ các tuyến đường do Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý) trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý.

3. UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ đối với các tuyến đường xã, đường thôn, đường khu vực sản xuất và đường dân sinh trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý (trừ các tuyến đường do Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện trực tiếp quản lý).

4. Đối với công trình đường tuần tra biên giới, đường bộ chuyên dùng và các loại đường khác được UBND tỉnh giao quản lý: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (sau đây viết tắt là Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh); chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình đường bộ chuyên dùng và các đơn vị được UBND tỉnh giao, có trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

5. Đối với đường giao thông nông thôn do cộng đồng dân cư đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng, Chủ quản lý sử dụng công trình (người đại diện cho cộng đồng dân cư hoặc tổ chức) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ. Trường hợp Chủ quản lý sử dụng công trình không đủ khả năng thực hiện các công tác nêu trên thì UBND cấp xã thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ theo quy định.

6. Căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, UBND cấp huyện có thể phân cấp hoặc ủy quyền cho UBND cấp xã quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ đối với một số tuyến đường thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện.

#### **Điều 4. Phạm vi đất dành cho đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

#### **Điều 5. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đã được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

#### **Điều 6. Giới hạn hành lang an toàn cầu, cống**

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ.

#### **Điều 7. Quản lý, khai thác công trình đường bộ**



Thực hiện theo quy định tại các Điều 12, 13, 14, 15 và 16 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; khoản 8 và 9 Điều 1 Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 8. Bảo trì công trình đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

### **Điều 9. Quy trình bảo trì đường bộ**

#### 1. Trách nhiệm lập quy trình bảo trì

a) Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình đường bộ: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

b) Đối với các công trình đang sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm tổ chức lập quy trình bảo trì công trình đường bộ.

#### 2. Nội dung, căn cứ lập quy trình bảo trì

a) Nội dung quy trình bảo trì: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

b) Căn cứ lập quy trình bảo trì: thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

#### 3. Phê duyệt quy trình bảo trì

a) Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình đường bộ: Chủ đầu tư phê duyệt quy trình bảo trì công trình theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

b) Đối với các công trình đã đưa vào khai thác, sử dụng: các Cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này phê duyệt quy trình bảo trì công trình theo phạm vi quản lý.

c) Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a và b khoản này, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình đường bộ chịu trách nhiệm phê duyệt quy trình bảo trì công trình.

#### 4. Điều chỉnh quy trình bảo trì





a) Việc điều chỉnh quy trình bảo trì công trình đường bộ trong quá trình khai thác, sử dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

b) Việc phê duyệt quy trình bảo trì đã sửa đổi, bổ sung, thay thế thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 10. Lập, thẩm định và phê duyệt quy trình quản lý, vận hành các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn**

1. Công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn theo quy định này bao gồm: Cầu đường bộ (*cầu treo; cầu có kết cấu nhịp dạng dầm, dàn, khung, vòm*), đường ngầm.

2. Công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn phải lập quy trình quản lý, vận hành khai thác, bảo trì:

a) Cầu đường bộ được đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp; cầu đang khai thác sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn; các trường hợp khác do Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư hoặc Chủ quản lý sử dụng cầu quyết định;

b) Đường ngầm được đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp; đường ngầm đang khai thác sử dụng và các trường hợp khác do Người quyết định đầu tư, Chủ đầu tư hoặc Chủ quản lý sử dụng đường ngầm quyết định.

3. Việc lập quy trình quản lý, vận hành các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn do Chủ quản lý sử dụng tự thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực kinh nghiệm để thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Điều 6 Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn.

4. Trách nhiệm phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác, bảo trì các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn và đường huyện:

a) UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác, bảo trì các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn huyện;

b) Đối với công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn do cộng đồng dân cư đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng, Chủ quản lý sử dụng công trình (*người đại diện cho cộng đồng dân cư hoặc tổ chức*) có trách nhiệm thẩm định, phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác, bảo trì;

Trường hợp Chủ quản lý sử dụng công trình không đủ năng lực chuyên môn để thẩm định thì thuê đơn vị tư vấn thẩm tra hoặc trình cơ quan chuyên môn thẩm định và thực hiện phê duyệt theo quy định.

5. Việc phê duyệt quy trình quản lý, vận hành khai thác, bảo trì các công trình đặc biệt trên đường giao thông nông thôn phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29/4/2014





của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Điều 7 Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Sau khi phê duyệt, Chủ quản lý sử dụng gửi thông báo đến Sở Giao thông vận tải để biết và theo dõi trong quá trình thực hiện.

### **Điều 11. Đầu nối vào hệ thống đường bộ địa phương**

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh bao gồm:

a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị, các loại đường giao thông nông thôn và đường tuần tra biên giới;

b) Đường chuyên dùng gồm: đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường vào khu công nghiệp, đường vào cụm công nghiệp;

c) Đường gom, đường nối từ đường gom;

d) Đường vào các khu dân cư, khu thương mại dịch vụ, khu sản xuất kinh doanh và đường nối trực tiếp từ các công trình đơn lẻ (*Cửa hàng xăng dầu, quảng trường, nhà văn hóa, trường học, bệnh viện, trụ sở cơ quan và các công trình đơn lẻ khác*).

2. Đường nhánh đầu nối vào đường huyện, đường xã bao gồm:

a) Đường trục thôn, bon; đường ngõ, xóm, các điểm dân cư; các loại đường giao thông nông thôn khác và đường tuần tra biên giới;

b) Đường chuyên dùng gồm: đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp, đường cụm công nghiệp;

c) Đường gom, đường nối từ đường gom;

d) Đường vào các khu dân cư, khu thương mại dịch vụ, khu sản xuất kinh doanh và đường nối trực tiếp từ các công trình đơn lẻ (*Cửa hàng xăng dầu, quảng trường, nhà văn hóa, trường học, bệnh viện, trụ sở cơ quan và các công trình đơn lẻ khác*).

3. Vị trí đầu nối vào hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với quy hoạch tích hợp tỉnh, quy hoạch phát triển giao thông vận tải, quy hoạch chung đô thị và các quy hoạch khác có liên quan; đồng thời, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật để đảm bảo an toàn giao thông và không ảnh hưởng đến công năng của công trình đường bộ.

4. Trước khi nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới nút giao, chủ sử dụng hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án, căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô, đường giao thông nông thôn hiện hành, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét chấp thuận hồ sơ thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào hệ thống đường bộ địa phương; và cấp phép thi công xây dựng nút giao theo trình tự, thủ tục hiện hành.

5. Thẩm quyền chấp thuận thiết kế kỹ thuật và cấp phép thi công nút giao

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế kỹ thuật và cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh và các tuyến đường khác được UBND tỉnh giao quản lý.

b) UBND cấp huyện chấp thuận thiết kế kỹ thuật và cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường huyện, đường xã, đường đô thị (*ngoại trừ các đoạn*



*tuyến quốc lộ, tỉnh lộ qua đô thị*) trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý và các tuyến đường khác được UBND tỉnh giao quản lý.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc được chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng ủy quyền chấp thuận thiết kế kỹ thuật và cấp phép thi công nút giao đầu nối vào công trình đường bộ chuyên dùng.

d) Đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý đường bộ chấp thuận thiết kế kỹ thuật và cấp phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường được giao.

#### 6. Thủ tục, trình tự và cách thức thực hiện

a) Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và khoản 12 Điều 11 Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ.

b) Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng nút giao: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/09/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải.

c) Trình tự và cách thức thực hiện: thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/09/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT.

#### **Điều 12. Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông**

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường quốc lộ và tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

### **Chương III**

#### **SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG BỘ**

##### **Điều 13. Sử dụng đường bộ vào hoạt động văn hóa**

Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và điểm d khoản 7 Điều 1 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.

##### **Điều 14. Sử dụng đất dành cho đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 9/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.



## **Điều 15. Xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ**

1. Công trình thiết yếu là các công trình: theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư 35/2017/TT-BGTVT.

2. Thẩm quyền chấp thuận phương án thiết kế, cấp phép thi công

Cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này chấp thuận phương án thiết kế, cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến đường trong phạm vi quản lý. Riêng đối với đường xã, UBND cấp huyện chấp thuận phương án thiết kế, cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

3. Thủ tục, trình tự và cách thức thực hiện

a) Thủ tục thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

b) Trình tự và cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

## **Điều 16. Thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ**

1. Đối với các dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ của hệ thống đường bộ địa phương mà cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư không phải là Cơ quan quản lý đường bộ thì trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, Chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế đến Cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này để được xem xét, chấp thuận.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trên hệ thống đường bộ địa phương đang khai thác phải đề nghị Cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này cấp Giấy phép thi công. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo đường bộ đang khai thác do các cơ quan quản lý đường bộ ở địa phương là chủ đầu tư, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công; nhưng trước khi thi công, Ban Quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền hồ sơ có liên quan gồm: quyết định duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt kể cả phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông để cơ quan quản lý đường bộ xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

3. Thẩm quyền chấp thuận, cấp phép thi công

Cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này, chấp thuận, cấp phép thi công công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý. Riêng đối với đường xã, UBND cấp huyện chấp thuận, cấp phép thi công công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định.



4. Thủ tục đề nghị Cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này cấp Giấy phép thi công thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

5. Trình tự và cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

## **Chương IV**

### **LẬP, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 17. Lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn ngân sách nhà nước**

1. Kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ:

a) Hàng năm, căn cứ vào định mức, quy trình bảo trì, tình trạng công trình đường bộ và khả năng cân đối vốn bảo trì đường bộ, các đơn vị tổ chức lập Kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo khoản 1 Điều 17 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

b) Kế hoạch công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên được xây dựng cho khối lượng công việc thường xuyên trong 01 năm; kế hoạch công tác sửa chữa định kỳ được xây dựng trên cơ sở định mức, quy trình bảo trì và thực tế hư hỏng của từng tuyến, đoạn tuyến đường bộ, thời gian thực hiện công trình, hạng mục công trình từ 01 đến 02 năm.

2. Trách nhiệm tổ chức lập Kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ:

a) Sở Giao thông vận tải tổ chức lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ đối với các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường khác được UBND tỉnh giao quản lý;

b) UBND cấp huyện tổ chức lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ đối với các tuyến đường huyện và đường đô thị (*trừ các tuyến đường do Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý*) trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý;

c) UBND cấp xã tổ chức lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ đối với các tuyến đường xã, đường thôn, đường khu vực sản xuất và đường dân sinh trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý (*trừ các tuyến đường do Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện trực tiếp quản lý*);

d) Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và các đơn vị được UBND tỉnh giao tổ chức lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ đối với đường tuần tra biên giới và các loại đường khác được UBND tỉnh giao quản lý;

đ) Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình đường bộ chuyên dùng lập kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ chuyên dùng do mình đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.



e) Đối với danh mục, hạng mục công trình do UBND cấp huyện đề xuất hỗ trợ từ nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ của tỉnh: UBND cấp huyện gửi Kế hoạch về Sở Giao thông vận tải **trước 30 tháng 5 hàng năm**; Sở Giao thông vận tải tổng hợp vào kế hoạch trình UBND tỉnh;

3. Các công việc trong kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

#### **Điều 18. Phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ**

1. UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì hàng năm đối với các tuyến tỉnh lộ, đường tuần tra biên giới, các tuyến đường khác do tỉnh quản lý và danh mục các công trình, hạng mục công trình đường bộ do UBND cấp huyện đề xuất hỗ trợ kinh phí từ nguồn quản lý, bảo trì đường bộ tỉnh, cụ thể như sau:

a) Hàng năm trên cơ sở đề xuất kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ của các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy định này, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và UBND cấp huyện (*khi cần thiết*) để tiến hành kiểm tra thực tế hiện trường công trình đường bộ, trao đổi, thống nhất danh mục; dự kiến kinh phí; thời gian thực hiện;

b) Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế hiện trường, mức vốn bảo trì được phân bổ, Sở Giao thông vận tải tổng hợp lấy ý kiến thống nhất của Sở Tài chính và trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ **trước ngày 30 tháng 6 hàng năm** để thực hiện cho năm tiếp theo.

2. UBND cấp huyện tổ chức thực hiện và phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì hàng năm đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý và danh mục các công trình, hạng mục công trình trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã đề xuất hỗ trợ kinh phí từ nguồn quản lý, bảo trì đường bộ của cấp huyện.

3. UBND cấp xã tổ chức thực hiện và phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì hàng năm đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

4. Tổng kinh phí dự kiến đối với công trình, hạng mục công trình thực hiện trong một năm không vượt quá kinh phí được giao trong năm lập kế hoạch. Tổng kinh phí dự kiến trong kế hoạch phù hợp với thời gian thực hiện của các công trình, hạng mục công trình đề xuất.

#### **Điều 19. Thực hiện chuẩn bị đầu tư dự án, công trình bảo trì công trình đường bộ**

1. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện lập, thẩm định và trình phê duyệt các dự án trong Kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định; hoàn thành **trước ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch** để làm cơ sở giao kế hoạch nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh và các đơn vị được UBND tỉnh giao quản lý các tuyến đường khác tổ chức thực hiện công tác lập, thẩm định, phê duyệt các dự án trong Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định; hoàn thành **trước ngày 31 tháng 10 của năm trước**



**năm kế hoạch** để làm cơ sở giao kế hoạch nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ.

3. UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức thực hiện công tác lập các dự án theo kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ do UBND cấp huyện, UBND cấp xã phê duyệt và các dự án nằm trong kế hoạch quản lý, bảo trì đường bộ do UBND tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt hỗ trợ; tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng và phân cấp của UBND tỉnh; hoàn thành **trước ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch** để làm cơ sở giao kế hoạch nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ.

4. Đối với công trình đường bộ chuyên dùng, chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình đường bộ tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình do mình đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

5. Sau khi được giao nguồn vốn quản lý, bảo trì đường bộ cho các dự án, các công trình, hạng mục công trình cụ thể, Sở Giao thông vận tải, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã triển khai thực hiện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các bước tiếp theo để triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 20. Giao kinh phí quản lý, bảo trì công trình đường bộ**

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ hằng năm đã duyệt, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án và thời gian thực hiện, thứ tự ưu tiên của từng công trình, hạng mục công trình, các Cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại Điều 3 Quy định này tổng hợp, gửi cơ quan tài chính tham mưu cho UBND trình HĐND cùng cấp giao nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ trong dự toán ngân sách hằng năm (*Sở Tài chính đối với công trình đường bộ trong kế hoạch bảo trì do UBND tỉnh phê duyệt; Phòng Tài chính đối với công trình đường bộ trong kế hoạch bảo trì do UBND cấp huyện phê duyệt*).

2. Sở Giao thông vận tải, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã chịu trách nhiệm về việc quản lý, thanh toán, quyết toán chi phí thực hiện bảo trì công trình đường bộ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 21. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch quản lý, bảo trì công trình đường bộ**

1. Sở Giao thông vận tải, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND cấp huyện quyết định phê duyệt, tổ chức thực hiện và báo cáo UBND tỉnh đối với công trình sửa chữa đột xuất, cấp bách khắc phục hậu quả thiên tai để đảm bảo giao thông; điều chỉnh cục bộ trong danh mục, hạng mục công trình đã được UBND tỉnh phê duyệt nhưng không vượt quá số vốn đã ghi trong kế hoạch.

2. Đối với các công trình sửa chữa cần bổ sung kế hoạch theo đề nghị của UBND cấp huyện, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Giao thông vận tải, ý kiến phản ánh, kiến nghị của cử tri và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, thì Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, kiểm tra hiện trường để xác định mức độ hư hỏng, đề xuất quy mô và giải pháp sửa chữa trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập dự án sửa chữa và bổ sung vào kế hoạch bảo trì đường bộ.



3. UBND cấp huyện, UBND cấp xã điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do UBND cấp huyện, UBND cấp xã phê duyệt.

## Chương V

### QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

#### Điều 22. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Các cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp đã được quy định tại Điều 3 Quy định này có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

2. Nội dung hồ sơ và trình tự, thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 3 và 4 Điều 5 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ, quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

#### Điều 23. Hồ sơ quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Sau khi được UBND tỉnh giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Cơ quan được giao quản lý có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 7 và 8 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP.

#### Điều 24. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Thực hiện theo quy định tại các Điều 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24 và 25 Nghị định số 33/2019/NĐ-CP.

## Chương VI

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### Điều 25. Sở Giao thông vận tải

1. Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện các nội dung tại Quy định này; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; tham mưu đề xuất điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện quyền và trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với hệ thống đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này.

#### Điều 26. UBND cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

2. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ và đất bảo vệ, bảo trì đường bộ.





3. Giải tỏa các công trình ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông đường bộ; ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ và hoạt động giao thông vận tải.

4. Tổ chức thực hiện cưỡng chế để giải tỏa vi phạm, lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; ngăn chặn tình trạng tái lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ và đất bảo vệ, bảo trì đường bộ.

5. Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, thanh tra đường bộ xử lý theo thẩm quyền các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái với quy định trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ.

6. Định kỳ hàng năm, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (*thông qua Sở Giao thông vận tải*) về tình hình quản lý, khai thác, bảo trì, bảo vệ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

#### **Điều 27. UBND cấp xã**

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này.

2. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ và đất bảo vệ, bảo trì đường bộ.

3. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện trách nhiệm đối với việc quản lý, vận hành khai thác, bảo vệ đường giao thông nông thôn thuộc quyền sở hữu của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy định này.

4. Hàng năm, tổng hợp tình hình quản lý, khai thác, bảo trì, bảo vệ đường giao thông nông thôn, danh sách các công trình trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn bị hư hỏng, xuống cấp, không đủ điều kiện khai thác an toàn để báo cáo và kiến nghị UBND cấp huyện xử lý.

5. Phát hiện và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, thanh tra đường bộ và các đơn vị có liên quan xử lý kịp thời, theo thẩm quyền các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái với quy định trong phạm vi đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ.

6. Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng công trình đường bộ.

#### **Điều 28. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình đường bộ chuyên dùng và các đơn vị UBND tỉnh giao quản lý công trình đường bộ**

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này.

2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý vi phạm theo thẩm quyền và chức năng, nhiệm vụ được giao trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này./.